

5. CHỈ THỂ NGOÀI: Điểm trên «hõm lão» sát khớp hai ngón tay.

*Công năng*: Chữa ngất.

6. CHỈ THỂ TRONG: Điểm ở rãnh sát trên khớp 3 ngón út (đốt có móng) là:

*Công năng*: Cùng Chỉ Thể ngoài chữa ngất.

7. DƯƠNG HỮU: Phía dưới lõi cầu ngoài xương cẳng tay 3 khoát.

*Công năng*: Dẫn máu, chữa tay teo, làm giật tay bên kia.

8. GIÁC QUAN: Từ bảm tận (đỉnh dưới) cơ Đen-ta lấy lên 2 khoát.

*Công năng*: Dùng 2 đầu ngón cái bấm chữa sứt cầu vai.

9. HOÀNG NGŨU: Phía tro g cánh tay sát ổ nách.

*Công năng*: Dẫn máu lên mặt.

Chữa liệt tay.

10. HỒI SINH THÂN THỂ: Cơ tròn to (sau lưng) sát ngay ổ nách sau.

*Công năng*: Trợ sức làm cho khỏe người.

11. HỒ KHẨU: Hai hõm dưới mõm chân quay và mõm chân trụ.

*Công năng*: Khóa (hãm) khi bấm các huyết khác trên tay.

12. HUYỀN NHU: Giao điểm bờ cơ ngực lớn với bờ trong cơ Đen-ta (trên rãnh Đen-ta ngực).

*Công năng*: Chữa run tay, múa vờn.

13. KHIÊN LẬU: Trên mõm chân quay 2 khoát ngón tay.

*Công năng*: Chữa bong gân bàn tay, tay sưng.

Làm sáng mắt.

14. KHÔ LẠC: Điểm 2 3 xương quay tính từ mõm chân quay lên.

*Chữa*: Cầm đo chấn thương.

15. KHÔI LẬU: Tay phải giao điểm tại bờ rãnh Đen-ta, ngực với đường nách trước.

*Công năng*: Làm giãn gân, đuổi được tay.